TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN G** TỈNH ĐIỆN B	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN G, TỈNH ĐIỆN B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Mạnh Th

Bà Lê Thị Thanh Th

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần G tham gia phiên tòa: Bà Lường Phương Th - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần G, tỉnh Điện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2023/TLST - HNGĐ ngày 26/5/2023 về: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 21/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuần G giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị C, sinh năm 1993.

Địa chỉ thường trú: Bản Hỏm H, xã Mường M, huyện Tuần G, tỉnh Điện B; nơi ở hiện nay: Bản L, xã Xá Nh, huyện Tủa Ch, tỉnh Điện B, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn L, sinh năm 1989

Địa chỉ: Bản Hỏm H, xã Mường M, huyện Tuần G, tỉnh Điện B, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/5/2023, bản tự khai, nguyên đơn chị Lò Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lò Văn L lấy nhau có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xá Nh, huyện Tủa Ch, tỉnh Điện B vào ngày 16/8/2011. Hôn nhân là tự nguyện không ai bị lừa dối, ép buộc. Quá trình chung sống hạnh phúc được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh L còn đánh chị nhiều lần. Từ tháng 3 năm 2022 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại bản L, xã Xá Nh, huyện Tủa Ch, tỉnh Điện B. Từ khi ly thân anh chị không còn liên lạc gì với nhau nữa, không có quan hệ sinh lý tình cảm gì. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lò Văn L.

Về quan hệ con chung: Chị Lò Thị C và anh Lò Văn L có 02 con chung: Cháu Lò Tuấn A, sinh ngày 06/7/2012 và Lò Khắc K, sinh ngày 25/01/2015. Khi ly hôn chị C có nguyện vọng giao hai cháu Tuấn A và Khắc K cho anh Lò Văn L được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị C không cấp dưỡng nuôi con chung

Về quan hệ tài sản: Tài sản chung, nợ phải trả: Chị C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ lấy về, tài sản riêng: Chị C khai không có.

Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án, tại bản tự khai ngày 21/6/2023 anh L thống nhất về quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn trên tình thần tự nguyện không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại bản Hỏm H, xã Mường M. Quá trình chung sống anh chị không có mâu thuẫn gì. Từ khi chị C đi làm từ năm 2017 thỉnh thoảng mới về nhà rồi lại đi. Đến tháng 3 năm 2022 chị C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Tủa Ch, từ đó đến nay anh chị không còn quan tâm đến nhau nữa. Nguyện vọng của anh muốn gặp mặt chị C rồi mới ký đơn ly hôn. Về quan hệ con chung anh nhất trí với quan điểm của chị C có hai con chung như chị C trình bày, nếu phải ly hôn anh sẽ trực tiếp nuôi hai cháu, về cấp dưỡng anh và chị Cái sẽ tự thỏa thuận. Về quan hệ tài sản, anh L thống nhất như ý kiến chị C

Ngày 03/8/2023, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự song anh L văng mặt không có lý do, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hoà giải được và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật. Ngày 03/8/2023, chị Lò Thị C đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 06/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Tuần G mở phiên tòa xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/8/2023 và đã tống đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật, anh L vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa theo luật định.

Tại phiên tòa ngày 29/9/2023, tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị C vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện, bản tự khai, tuy nhiên về phần cấp dưỡng nuôi con chị nhất trí cấp dưỡng nuôi hai cháu, mỗi cháu 1.000.000 đồng/1 tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 11/2023 cho đến khi hai cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Ngày 11/9/2023, anh Lò Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt. Về quan hệ hôn nhân, anh nhất trí ly hôn do hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 3 năm 2022 đến nay không còn tình cảm nữa. Về quan hệ con chung anh nhất trí với nguyện vọng của chị C, anh L sẽ là người trực tiếp nuôi hai cháu Lò Tuấn A, sinh ngày 06/7/2012 và Lò Khắc K, sinh ngày 25/01/2015 cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng anh yêu câu chị Lò Thị C cấp dưỡng nuôi hai con chung, mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000 đồng/1 tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 11/2023 cho đến khi hai cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh L không yêu cầu tính lãi chậm thi hành án.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật: Về thẩm quyền và trình tự thủ tục Thẩm phán, thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận sự thỏa thuận cho nguyên đơn chị Lò Thị C được ly hôn với bị đơn anh Lò Văn L theo Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Về con chung: Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình: Chấp nhận sự thoả thuận,

giao hai cháu Lò Tuấn A, sinh ngày 06/7/2012 và Lò Khắc K, sinh ngày 25/01/2015 cho anh Lò Văn L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ Điều 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình: Chị Lò Thị C phải cấp dưỡng nuôi hai cháu Lò Tuấn A, sinh ngày 06/7/2012 và Lò Khắc K, sinh ngày 25/01/2015 mỗi cháu 1.000.000 /1 tháng. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 11/2023 cho đến khi hai cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chấp nhận việc anh L không yêu cầu tính lãi chậm thi hành án.

Về quan hệ tài sản: Tài sản chung, nợ phải trả: Chị C, anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ lấy về, tài sản riêng: Chị C, anh Lkhai không có.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Lò Thị C là người dân tộc thiểu số sinh sống tại địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được miễn án phí và có đơn xin được miễn án phí, đề nghị HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con cho chị Lò Thị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và địa chỉ của các đương sự, Tòa án xác định đây là vụ án: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần G theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố Tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án: Chị Lò Thị C và anh Lò Văn L kết hôn ngày 16/8/2011, đến thời điểm giải quyết, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đang có hiệu lực, do vậy Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về việc hoãn phiên tòa: Ngày 06/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Tuần G đã tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án song bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định hoãn phiên tòa.

[4] Xét quan hệ hôn nhân, yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị C: Chị C và anh L lấy nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lâm đã có bản tự khai thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án. Song tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 03/8/2023 anh L đã vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định. Tại phiên tòa ngày 06/9/2023, anh L vắng mặt lần thứ nhất không có lý do mặc dù đã được tống đạt, niêm yết theo quy định, đã thể hiện ý thức không chấp hành pháp luật, vi phạm các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh L đã tự từ bỏ các quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình.

Ngày 03/8/2023, Chị C có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên ngày 11/9/2023 anh L đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và thể hiện quan điểm giải quyết vụ án trong đơn, về quan hệ hôn nhân anh L nhất trí ly hôn do hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 3 năm 2022, không còn tình cảm gì với nhau nữa.

HĐXX xét thấy: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua quá trình Tòa án thu thập chứng cứ xác minh tình trạng hôn nhân, đủ cơ sở khẳng định nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị C đi làm ăn xa khiến hai vợ chồng không còn tình cảm, anh chị đã sống ly thân từ tháng 03/2022 cho tới nay. Hôn nhân của chị C và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng là có thật và đúng như lời khai của chị C và anh L. Mục đích hôn nhân là vợ chồng gần gũi, thương yêu chăm sóc, quý trọng giúp đỡ lẫn nhau không có, quan hệ hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị C xin ly hôn với anh L, anh L cũng nhất trí, cần được chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Xét nguyện vọng về con chung của chị C và anh L: Chị Lò Thị C và anh Lò Văn L có 02 con chung: Lò Tuấn A, sinh ngày 06/7/2012 và Lò Khắc K, sinh ngày 25/01/2015. Khi ly hôn chị C có nguyện vọng giao hai cháu cho anh Lò Văn L được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị C không cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên tại đơn xin xét xử vắng mặt, phần cấp dưỡng nuôi con chị nhất trí cấp dưỡng nuôi hai cháu Lò Tuấn A, sinh ngày 06/7/2012 và Lò Khắc K, sinh ngày 25/01/2015 mỗi cháu 1.000.000/1 tháng. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 11/2023 cho đến khi hai cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Qua biên bản xác minh tình trạng hôn nhân và điều kiện nuôi con tại bản Hỏm H, xã Mường M, huyện Tuần G, cho biết anh L vừa làm ruộng và làm thuê thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, hiện cả hai cháu đang ở với anh L. Cháu Lò Tuấn A và Lò Khắc K cũng có nguyện vọng được ở với bố.

HĐXX căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của cháu Lò Tuấn A và cháu Lò Khắc K, nguyện vọng và khả năng chăm sóc nuôi dưỡng các con của anh L. Căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự: Xét thấy yêu cầu về phần cấp dưỡng nuôi con chung của anh L và được sự chấp thuận của chị C nằm trong phạm vi giải quyết quan hệ hôn nhân nên không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận sự thoả thuận của chị C và anh L: Quyết định giao hai cháu Lò Tuấn A, sinh ngày 06/7/2012 và Lò Khắc K, sinh ngày 25/01/2015 cho anh Lò Văn L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị C phải cấp dưỡng nuôi hai cháu Lò Tuấn A, sinh ngày 06/7/2012 và Lò Khắc K, sinh ngày 25/01/2015 mỗi cháu 1.000.000 /1 tháng. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 11/2023 cho đến khi hai cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh L không yêu cầu tính lãi chậm thi hành án.

[6]. Về quan hệ tài sản: Tài sản chung, nợ phải trả: Chị C, anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ lấy về, tài sản riêng: Chị C, anh L khai không có.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Lò Thị C là người dân tộc thiểu số sinh sống tại địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được miễn án phí, có đơn xin miễn án phí, HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con cho chị Lò Thị C.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân gia đình:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho nguyên đơn chị Lò Thị C được ly hôn với bị đơn anh Lò Văn L.

2. Về con chung: Giao hai cháu Lò Tuấn A, sinh ngày 06/7/2012 và Lò Khắc K, sinh ngày 25/01/2015 cho anh Lò Văn L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị C phải cấp dưỡng nuôi hai cháu Lò Tuấn A, sinh ngày 06/7/2012 và Lò Khắc K, sinh ngày 25/01/2015 mỗi cháu 1.000.000/1 tháng. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 11/2023 cho đến khi hai cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh L không yêu cầu tính lãi chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản: Tài sản chung, nợ phải trả: Chị C, anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; tài sản riêng, nợ lấy về: Chị C, anh L không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con cho chị Lò Thị C.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lò Thị C, bị đơn anh Lò Văn L được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện B;
- VKSND huyện Tuần G;
- Chi cục THADS huyện TG;
- UBND xã Xá Nhè, Tủa Ch (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Đình H

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Thùy **Trần Mạnh Thắng**

Lê Đình Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HĐXX **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Thùy **Trần Mạnh Thắng** **Lê Đình Hà**

thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ,